



CÔNG TY CP VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
PHU NHUAN JEWELRY JOINT STOCK COMPANY

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN PNJ

QUÝ II NĂM 2017

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Báo cáo tài chính riêng quý 02

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	2
Bảng cân đối kế toán riêng đến 30/06/2017	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý II/2017	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng đến 30/06/2017	6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng quý II/2017	7 - 28



Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNYdo Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 226 cửa hàng tại các tỉnh thành ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch
Ông Lê Trí Thông	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Phan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên
Ông Lê Hữu Hạnh	Thành viên
Bà Phạm Thị Mỹ hạnh	Thành viên
Ông Lê Quang Phúc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Dư	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Lê Anh Đức	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính : VNĐ

	CHỈ TIÊU	MS	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,046,371,454,146	3,093,009,616,407
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35,473,948,466	150,275,926,525
1	Tiền	111		35,408,948,466	65,775,926,525
2	Các khoản tương đương tiền	112		65,000,000	84,500,000,000
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	65,000,000
3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	65,000,000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		93,155,809,313	82,241,929,516
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		40,461,168,250	34,523,228,986
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		27,191,824,778	18,557,867,930
6	Phải thu ngắn hạn khác	136		23,933,331,712	28,092,938,520
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1,569,484,573	1,067,894,080
IV	Hàng tồn kho	140		2,862,788,516,625	2,816,746,572,329
1	Hàng tồn kho	141		2,862,788,516,625	2,816,746,572,329
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		54,953,179,742	43,680,188,037
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54,806,865,568	43,042,333,528
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		82,849,699	679,179
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153		63,464,475	637,175,330
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		518,044,786,046	498,045,418,497
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		33,291,312,324	25,327,846,311
6	Phải thu dài hạn khác	216		33,291,312,324	25,327,846,311
II	Tài sản cố định	220		404,681,788,105	413,908,550,228
1	Tài sản cố định hữu hình	221		199,263,064,419	205,305,008,346
	- Nguyên giá	222		378,795,078,680	366,644,007,032
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(179,532,014,261)	(161,338,998,686)
3	Tài sản cố định vô hình	227		205,418,723,686	208,603,541,882
	- Nguyên giá	228		210,841,998,873	213,344,195,473
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5,423,275,187)	(4,740,653,591)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		24,563,078,966	7,532,817,898
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24,563,078,966	7,532,817,898
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		20,000,000,000	20,000,000,000
1	Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		395,271,613,400	395,271,613,400
4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(395,271,613,400)	(395,271,613,400)
VI	Tài sản dài hạn khác	260		35,508,606,651	31,276,204,060
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		32,585,522,677	28,353,120,086
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2,923,083,974	2,923,083,974
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,564,416,240,192	3,591,055,034,904

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

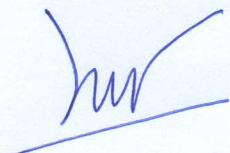
Mẫu B01a-DN


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
QUÝ II - Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

C	NỢ PHẢI TRẢ	300	1,830,657,232,036	2,092,223,670,982
I	Nợ ngắn hạn	310	1,778,755,030,792	2,026,224,469,738
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	190,478,911,664	325,581,536,057
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22,021,438,307	55,810,213,794
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	85,628,992,852	86,322,377,598
4	Phải trả người lao động	314	44,948,859,296	26,829,393,326
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	58,769,120,210	6,354,714,739
9	Phải trả ngắn hạn khác	319	39,925,050,702	27,167,081,033
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1,281,387,148,867	1,457,954,945,047
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	55,595,508,894	40,204,208,144
II	Nợ dài hạn	330	51,902,201,244	65,999,201,244
7	Phải trả dài hạn khác	337	628,026,000	628,026,000
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	44,897,000,000	58,994,000,000
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342	6,377,175,244	6,377,175,244
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1,733,759,008,156	1,498,831,363,922
I	Vốn chủ sở hữu	410	1,733,759,008,156	1,498,831,363,922
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	982,745,770,000	982,745,770,000
5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	(7,090,000)	(7,090,000)
8	Quỹ đầu tư phát triển	418	220,087,556,918	144,087,556,918
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	530,932,771,238	372,005,127,004
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	153,436,032,604	-
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	377,496,738,634	372,005,127,004
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3,564,416,240,192	3,591,055,034,904


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
- Đô la Mỹ ("\$")	84,623	137,582
- Vàng thỏi (chỉ)	6,200	3,850
- Đô la Úc ("AUD")	486	495
- Đồng Euro ("EUR")	7.976	518


Nguyễn Thành Đạt
Người lập


Dương Quang Hải
Kế toán trưởng




Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 07 năm 2017

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Mẫu B01a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2017

TT	CHỈ TIÊU	MS	TM	Q2/2017	Q2/2016	LŨY KẾ 2017	LŨY KẾ 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,345,080,227,100	1,610,323,373,794	5,480,011,598,665	3,941,729,880,588
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13,239,757,832	9,218,410,584	30,912,892,531	22,388,800,218
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2,331,840,469,268	1,601,104,963,210	5,449,098,706,134	3,919,341,080,370
4	Giá vốn hàng bán	11		1,940,208,194,653	1,314,901,271,040	4,515,835,494,662	3,219,650,565,392
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		391,632,274,615	286,203,692,170	933,263,211,472	699,690,514,978
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		4,827,785,426	5,731,767,997	6,769,400,402	5,915,895,064
7	Chi phí tài chính	22		17,308,167,251	17,675,761,145	36,443,031,047	124,250,886,900
	<i>Trong đó, Chi phí lãi vay</i>	23		16,740,415,327	16,918,018,340	35,160,099,426	38,237,408,560
8	Chi phí bán hàng	25		179,893,853,456	127,784,530,690	358,626,533,042	257,889,006,449
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		41,300,769,593	33,871,155,288	78,826,547,825	60,695,913,647
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		157,957,269,741	112,604,013,044	466,136,499,960	262,770,603,046
11	Thu nhập khác	31		5,532,758,116	42,486,249,598	5,763,559,141	43,117,678,908
12	Chi phí khác	32		105,097,589	136,257,034	501,322,541	239,579,409
13	Lợi nhuận khác	40		5,427,660,527	42,349,992,564	5,262,236,600	42,878,099,499
14	Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		163,384,930,268	154,954,005,608	471,398,736,560	305,648,702,545
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32,189,109,201	30,044,088,340	93,901,997,926	60,377,645,380
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		131,195,821,067	124,909,917,268	377,496,738,634	245,271,057,165
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1,335	1,271	3,841	2,496

(Handwritten signature)

Nguyễn Thành Đạt
Người lập
Ngày 17 tháng 07 năm 2017

(Handwritten signature)

Dương Quang Hải
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

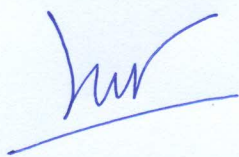
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

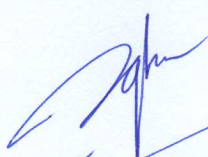
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II NĂM 2017

VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	MS	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Lợi nhuận trước thuế	01	471,398,736,560	305,648,702,545
2	Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	18,939,335,289	16,344,382,622
	- Các khoản dự phòng	03		84,691,750,000
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	318,180,061	(208,462,157)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10,416,892,103)	(47,112,714,979)
	- Chi phí lãi vay	06	35,160,099,426	38,237,408,560
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	515,399,459,233	397,601,066,591
	trước thay đổi vốn lưu động			
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(18,303,634,955)	(16,681,832,444)
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(46,041,944,296)	(186,116,893,055)
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(144,539,652,274)	33,413,552,131
	(Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)			
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(15,996,934,631)	5,473,138,729
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(36,123,231,741)	(35,210,944,904)
	- Thuế TNDN đã nộp	15	(89,992,174,388)	(37,754,344,108)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3,379,723,546	8,466,793,383
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	167,781,610,494	169,190,536,323
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản khác	21	(29,249,584,716)	(20,715,630,036)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản khác	22	7,304,000,000	150,004,500,000
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(190,000,000,000)
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		140,000,000,000
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,773,077,006	450,440,492
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20,172,507,710)	79,739,310,456
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3	Tiền thu từ đi vay	33	1,692,143,428,384	1,374,047,879,893
4	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,882,677,809,107)	(1,497,270,547,636)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(71,876,700,120)	(49,136,934,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(262,411,080,843)	(172,359,601,743)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(114,801,978,059)	76,570,245,036
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	150,275,926,525	34,348,296,246
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	25,169,437
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35,473,948,466	110,943,710,719

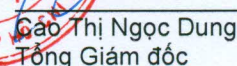


Nguyễn Thành Đạt
Người lập



Dương Quang Hải
Kế toán trưởng




Đào Thị Ngọc Dung
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 07 năm 2017

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004 và các giấy chứng nhận đăng ký điều chỉnh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 170 Phan Đăng Lưu, Phường 3, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có 226 cửa hàng tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 4.431 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.951 người).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Thời trang CAO- Công ty con
- Công ty TNHH Một thành viên Giám định PNJ- Công ty con

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Công ty có 49 chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh và thành phố khác nhau ở Việt Nam. Trong đó, một số chi nhánh lớn bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Biên Hòa
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận - Chi nhánh PNJ Tây Nguyên

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và kết quả kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 5 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho quý tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ba năm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích phục vụ cho việc bán hàng được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng trung tâm thương mại phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;
- Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trên 1 năm có giá trị lớn; và
- Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào các chi phí phát sinh trong năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thuế thu nhập hiện hành

- Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

VI. CÁC SỰ KIỆN VÀ GIAO DỊCH TRỌNG YẾU

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	25,324,391,483	43,880,544,353
Tiền gửi ngân hàng	7,570,521,263	17,438,949,836
Tiền đang chuyển	2,514,035,720	4,456,432,336
Tương đương tiền	65,000,000	84,500,000,000
TỔNG CỘNG	<u>35,473,948,466</u>	<u>150,275,926,525</u>

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		VNĐ
Phải thu bên thứ ba	39,360,597,223	33,700,545,495
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	1,100,571,027	822,683,491
TỔNG CỘNG	<u>40,461,168,250</u>	<u>34,523,228,986</u>

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		VNĐ
Tạm ứng nhân viên	2,530,798,376	705,372,244
Phải thu bên thứ ba	5,339,184,593	7,145,268,076
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 20</i>)	16,063,348,743	20,242,298,200
TỔNG CỘNG	<u>23,933,331,712</u>	<u>28,092,938,520</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0)	(0)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>23,933,331,712</u>	<u>28,092,938,520</u>

TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng (chỉ)	Giá trị	Số lượng (chỉ)	Giá trị
Vàng (chỉ)	425	1,423,938,217	230	770,583,999
Tài sản khác		145,546,356		297,310,081
TỔNG CỘNG		<u>1,569,484,573</u>		<u>1,067,894,080</u>

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Hàng hóa	2,246,942,236,113	1,976,744,705,226
Hàng gửi đi bán	50,555,458,772	62,864,818,682
Nguyên vật liệu	129,644,639,622	147,661,925,780
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	157,257,513,676	284,243,247,575
Thành phẩm	214,559,106,706	233,956,735,746
Công cụ, dụng cụ	33,302,820,283	25,257,327,045
Hàng mua đang đi trên đường	30,526,741,453	86,017,812,275
TỔNG CỘNG	<u>2,862,788,516,625</u>	<u>2,816,746,572,329</u>

Hàng tồn kho trị giá 1.165.916.000.000 đồng được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 10).

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC:

NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí thuê cửa hàng	7,297,980,641	4,941,083,841
Chi phí đồng phục nhân viên	7,179,296,300	6,242,736,500
Chi phí công cụ và dụng cụ	35,131,996,781	27,294,680,295
Chi phí sửa chữa, khác	5,197,591,846	4,563,832,892
TỔNG CỘNG	<u>54,806,865,568</u>	<u>43,042,333,528</u>

DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí thuê cửa hàng	312,591,473	898,700,471
Chi phí quảng cáo	1,544,355,345	1,433,045,277
Chi phí công cụ và dụng cụ	9,745,506,191	9,762,659,984
Chi phí sửa chữa, khác	20,983,069,668	16,258,714,354
TỔNG CỘNG	<u>32,585,522,677</u>	<u>28,353,120,086</u>

6. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC :

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ký quỹ, ký cược dài hạn	33,291,312,324	25,327,846,311
TỔNG CỘNG	<u>33,291,312,324</u>	<u>25,327,846,311</u>

- Đây khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng kinh doanh của các đơn vị.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	128,935,217,684	183,177,587,017	18,590,288,516	35,940,913,815	366,644,007,032
Tăng trong kỳ	-	6,636,731,445	1,756,720,000	3,825,872,203	12,219,323,648
Thanh lý	-	(32,788,000)	-	(35,464,000)	(68,252,000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	128,935,217,684	189,781,530,462	20,347,008,516	39,731,322,018	378,795,078,680
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	-	-	-	-
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	(25,948,425,860)	(103,657,593,569)	(6,847,091,236)	(24,885,888,021)	(161,338,998,686)
Khấu hao trong kỳ	(2,728,720,602)	(11,072,957,681)	(971,523,283)	(3,483,512,127)	(18,256,713,693)
Thanh lý	-	28,234,118	-	35,464,000	63,698,118
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	(28,677,146,462)	(114,702,317,132)	(7,818,614,519)	(28,333,936,148)	(179,532,014,261)
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	102,986,791,824	79,519,993,448	11,743,197,280	11,055,025,794	205,305,008,346
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	100,258,071,222	75,079,213,330	12,528,393,997	11,397,385,870	199,263,064,419

Nhà cửa, máy móc thiết bị được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 13).

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	205,405,507,890	7,938,687,583	213,344,195,473
Giảm trong kỳ	(2,502,196,600)	-	(2,502,196,600)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	202,903,311,290	7,938,687,583	210,841,998,873
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(4,740,653,591)	(4,740,653,591)
Khấu hao trong kỳ	-	(682,621,596)	(682,621,596)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	-	(5,423,275,187)	(5,423,275,187)
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	205,405,507,890	3,198,033,992	208,603,541,882
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	202,903,311,290	2,515,412,396	205,418,723,686

Quyền sử dụng đất được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 13*).

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

8.1 Đầu tư vào công ty con

<i>Tên công ty con</i>	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
	VND		VND	
Công ty TNHH Thời trang CAO	10,000,000,000	100%	10,000,000,000	100%
Công ty TNHH Giám định PNJ	10,000,000,000	100%	10,000,000,000	100%
TỔNG CỘNG	20,000,000,000		20,000,000,000	

Công ty TNHH Thời trang CAO ("CAO") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 170E Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Giám định PNJ (“PNJL”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tọa lạc tại số 168A Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

8.2 Đầu tư dài hạn khác

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 06 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VNĐ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DAB”) (i)	38,496,250	395,271,613,400	38,496,250	395,271,613,400
TỔNG CỘNG		395,271,613,400		395,271,613,400
Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu NH Đông Á		(395,271,613,400)		(395,271,613,400)
GIÁ TRỊ THUẦN		0		0

8.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Số đầu kỳ	395,271,613,400	395,271,613,400
Cộng : Dự phòng trích lập trong kỳ	-	-
Trừ : Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	395,271,613,400	395,271,613,400
Trong đó: Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu Ngân hàng Đông Á	395,271,613,400	395,271,613,400

10. VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngân hàng	874,025,153,253	1,177,072,577,649
Vay cá nhân	376,857,995,614	248,988,367,398
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 14)	30,504,000,000	31,894,000,000
TỔNG CỘNG	1,281,387,148,867	1,457,954,945,047

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại với lãi suất thả nổi để phục vụ nhu cầu vốn lưu động của công ty được trình bày như sau:

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY NGẮN HẠN VNĐ	723,918,706,311			
Ngân hàng TMCP Quân Đội	24,402,654,674	Từ ngày 04 tháng 08 đến ngày 28 tháng 09 năm 2017	5.4%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH CTBC - CN TP.HCM	5,100,000,000	Ngày 13 tháng 12 năm 2017	5.8%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Công Thương - CNI	422,041,747,449	Từ ngày 17 tháng 07 đến ngày 30 tháng 10 năm 2017	5.2%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Xăng Dầu Petrolimex	60,002,030,000	Từ ngày 11 tháng 08 đến ngày 09 tháng 09 năm 2017	5.9%	Tín chấp
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	50,000,000,000	Từ ngày 26 tháng 10 đến ngày 22 tháng 11 năm 2017	5.9%	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VCB	162,372,274,188	Từ ngày 07 tháng 08 đến ngày 22 tháng 12 năm 2017	5.5%	Nhà 46 Ngô Quyền, Nhà 359 Phan Chu Trinh, máy móc thiết bị trị giá 50 tỷ đồng
VAY NGẮN HẠN USD	150,106,446,942			
Ngân hàng BIDV CN Học Môn	31,527,899,182	Từ ngày 11 tháng 10 đến ngày 21 tháng 12 năm 2017	3.0%	Hàng tồn kho
Ngân hàng TMCP Bản Việt	118,578,547,760	Từ ngày 12 tháng 10 đến ngày 22 tháng 11 năm 2017	2.8%	Tín chấp
HUY ĐỘNG VỐN	376,857,995,614			Tín chấp
VAY DÀI HẠN ĐẾN HẠN TRẢ	30,504,000,000			
VAY NGẮN HẠN	1,281,387,148,867			

VAY DÀI HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngân hàng	44,897,000,000	58,994,000,000
TỔNG CỘNG	44,897,000,000	58,994,000,000

Các khoản vay dài hạn có số dư chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

NGÂN HÀNG	SỐ TIỀN	NGÀY ĐÁO HẠN	LÃI SUẤT	HÌNH THỨC ĐẢM BẢO
VAY DÀI HẠN VNĐ	75,401,000,000			
Ngân hàng TMCP Á Châu ACB	40,261,000,000	Ngày 30 tháng 12 năm 2020	8.2%	Nhà 6A Trần Nhân Tông, Nhà số 7 An Dương Vương
Ngân hàng TMCP Đông Á EAB	16,640,000,000	Ngày 02 tháng 08 năm 2018	6.0%	Quyền sử dụng đất 52 Nguyễn Văn Trỗi
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	18,500,000,000	Ngày 22 tháng 01 năm 2021	7.0%	Nhà PGI-05 Vincom Cần Thơ
TRONG ĐÓ : ĐẾN HẠN TRẢ	30,504,000,000			
Ngân hàng TMCP Á Châu ACB	11,514,000,000			
Ngân hàng TMCP Đông Á EAB	15,290,000,000			
Ngân hàng NN&PTNT - CN4	3,700,000,000			
VAY DÀI HẠN	44,897,000,000			

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên thứ ba	190,478,911,664	324,942,126,057
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	0	639,410,000
TỔNG CỘNG	190,478,911,664	325,581,536,057

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61,752,446,158	57,842,622,620
Thuế giá trị gia tăng	17,846,340,968	17,778,575,801
Thuế khác	6,030,205,726	10,701,179,177
TỔNG CỘNG	85,628,992,852	86,322,377,598

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả bên thứ ba	39,925,050,702	26,895,245,413
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	0	271,835,620
TỔNG CỘNG	39,925,050,702	27,167,081,033

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU 14.1 *Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán QUÝ 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	982,745,770,000	-	(7,090,000)	219,647,610,783	170,676,962,249	1,373,063,253,032
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	245,271,057,165	245,271,057,165
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(147,410,802,000)	(147,410,802,000)
Trích quỹ hoạt động HĐQT, BTGD	-	-	-	-	(4,500,000,000)	(4,500,000,000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15,230,000,000)	(15,230,000,000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016	982,745,770,000	-	(7,090,000)	219,647,610,783	248,807,217,414	1,451,193,508,197
Cho kỳ kế toán QUÝ 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	982,745,770,000	-	(7,090,000)	144,087,556,918	372,005,127,004	1,498,831,363,922
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	377,496,738,634	377,496,738,634
Cổ tức công bố đợt 2/2016	-	-	-	-	(78,619,094,400)	(78,619,094,400)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	76,000,000,000	(76,000,000,000)	-
Trích quỹ hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều Hành	-	-	-	-	(6,750,000,000)	(6,750,000,000)
Trích quỹ thường HĐQT, Ban Điều Hành	-	-	-	-	(12,200,000,000)	(12,200,000,000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(45,000,000,000)	(45,000,000,000)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	982,745,770,000	-	(7,090,000)	220,087,556,918	530,932,771,238	1,733,759,008,156

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	VNĐ Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	982,745,770,000	982,745,770,000
Tăng vốn trong kỳ	-	-
	<u>982,745,770,000</u>	<u>982,745,770,000</u>
Vốn góp cuối kỳ	<u>982,745,770,000</u>	<u>982,745,770,000</u>
Cổ tức đã trả	78,619,094,000	49,136,934,000
Cổ tức đã công bố (8% mệnh giá)	78,619,094,000	147,410,802,000

14.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu được phép phát hành	98,274,577	98,274,577
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	98,274,577	98,274,577
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	98,273,868	98,273,868

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng / cổ phiếu

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Tổng doanh thu	2,345,080,227,100	1,610,323,373,794
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán vàng và bạc</i>	2,338,559,473,046	1,603,812,637,422
<i>Doanh thu bán phụ kiện</i>	4,385,846,546	3,268,965,648
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2,134,907,508	3,241,770,724
Khấu trừ:	(13,239,757,832)	(9,218,410,584)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(13,239,757,832)	(9,218,410,584)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	2,331,840,469,268	1,601,104,963,210
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán vàng và bạc</i>	2,325,319,715,214	1,594,594,226,838
<i>Doanh thu bán phụ kiện</i>	4,385,846,546	3,268,965,648
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	2,134,907,508	3,241,770,724

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Cổ tức nhận được	3,000,000,000	5,000,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,057,543,359	315,054,017
Lãi tiền gửi	770,242,067	416,713,980
Khác	0	0
	<hr/>	<hr/>
TỔNG CỘNG	4,827,785,426	5,731,767,997

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Giá vốn bán vàng và bạc và cung cấp dịch vụ	1,937,182,439,349	1,312,716,543,623
Giá vốn bán phụ kiện	3,025,755,304	2,184,727,417
	<hr/>	<hr/>
TỔNG CỘNG	1,940,208,194,653	1,314,901,271,040

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	16,740,415,327	16,918,018,340
Chi phí tài chính khác	4,503,032	563,685,727
Lỗ chênh lệch tỷ giá	563,248,892	194,057,078
TỔNG CỘNG	<u>17,308,167,251</u>	<u>17,675,761,145</u>

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ, CHI PHÍ BÁN HÀNG THEO YẾU TỐ

	VNĐ	VNĐ
	<i>Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016</i>
Chi phí vật liệu, bao bì	4,520,954,788	3,312,598,516
Chi phí nhân công	108,306,513,433	78,617,621,425
Chi phí công cụ, dụng cụ	10,932,405,151	9,762,172,194
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản	3,911,683,066	3,585,719,918
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38,290,830,112	30,055,832,327
Chi phí khác mua ngoài	55,232,236,499	36,321,741,598
TỔNG CỘNG	<u>221,194,623,049</u>	<u>161,655,685,978</u>

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20%
Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

19.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Lợi nhuận trước thuế	163,384,930,268	154,952,878,953
Các điều chỉnh:		
- Chi phí và các khoản không được khấu trừ	560,615,739	267,562,747
- Chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN	-	-
- Cổ tức nhận được	(3,000,000,000)	(5,000,000,000)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	160,945,546,007	151,667,785,201
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	32,189,109,201	30,044,088,340

19.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06		Báo cáo kết quả hoạt động lũy kế năm	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí phải trả	2,923,083,974	2,923,083,974	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	2,923,083,974	2,923,083,974		

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị
1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	5,409,225,759
		Mua hàng hóa	2,771,160,797
2. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	0
		Nhận Cung cấp dịch vụ	837,809,484

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				VNĐ
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Phải thu (Phải trả)</i>	
Phải thu tiền hàng				
1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO	Công ty con	Bán hàng hóa	<u>1,100,571,027</u>	
Các khoản phải thu khác				
1. Công ty TNHH Một Thành viên Thời trang CAO			15,018,298,200	
2. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ			<u>1,045,050,543</u>	
			<u>16,063,348,743</u>	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác				
1. Công ty TNHH Một Thành viên Giám định PNJ		<i>huy động vốn</i>	(11,000,000,000)	
			<u>(11,000,000,000)</u>	

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

			VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 06 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		
Đến 1 năm	83,131,522,780	14,147,525,032		
Từ 1 đến 5 năm	191,299,433,231	90,213,735,876		
Trên 5 năm	<u>108,703,040,000</u>	<u>241,897,121,767</u>		
TỔNG CỘNG	<u>383,133,996,011</u>	<u>346,258,382,675</u>		

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 06 năm 2017

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay, tiền gửi với lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty).

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ cho kỳ kế toán quý 2 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 vì rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, PNJ đã dự phòng 100% khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân Hàng TMCP Đông Á là 395.271.613.400 VNĐ

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Công ty là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng tài sản cố định, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 10*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017
23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	
Tài sản tài chính				
Đầu tư tài chính dài hạn	395,271,613,400	395,271,613,400	(395,271,613,400)	-
Phải thu khách hàng	39,360,597,223	33,700,545,495		33,700,545,495
Phải thu các bên liên quan	11,128,476,035	21,064,981,691		21,064,981,691
Các khoản phải thu khác	17,163,919,770	7,850,640,320		7,850,640,320
Tiền và tương đương tiền	35,473,948,466	150,275,926,525		150,275,926,525
TỔNG CỘNG	498,398,554,894	(395,271,613,400)	608,163,707,431	212,892,094,031
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nợ phải trả tài chính				
Vay				
Phải trả người bán	1,315,284,148,867	1,507,948,945,047	1,315,284,148,867	1,507,948,945,047
Phải trả các bên liên quan	190,478,911,664	318,942,126,057	190,478,911,664	318,942,126,057
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	11,000,000,000	9,271,835,620	11,000,000,000	9,271,835,620
TỔNG CỘNG	1,616,085,257,443	1,870,040,892,876	1,616,085,257,443	1,870,040,892,876

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

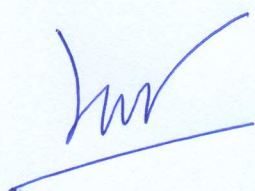
24. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ

Lợi nhuận trước thuế Quý 2/2017 đạt 163 tỷ đồng tăng 5% so với quý 2/2016 :

-Trong Quý 2/2017 doanh số PNJ đạt 2.390 tỷ đồng, trừ thuế giá trị gia tăng và hàng bán trả lại, doanh thu thuần đạt 2.331 tỷ đồng. Như vậy, quý 2/2017 doanh thu thuần tăng 45% tương ứng 730 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu là tăng doanh thu trang sức bán lẻ.

-Bên cạnh đó, chi phí hoạt động cũng tăng 37% tương ứng 60 tỷ đồng so với cùng kỳ quý 2/2016 do chiến lược mở rộng hệ thống cửa hàng.

Tổng kết 6 tháng đầu năm 2017, PNJ đạt doanh số 5.585 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 471,4 tỷ đồng - hoàn thành 63% kế hoạch lợi nhuận năm.



Nguyễn Thành Đạt
Người lập

Ngày 17 tháng 07 năm 2017



Dương Quang Hải
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc